

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ GIA NGHĨA
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-3-2024.

*V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thông và bà Nguyễn Thanh Thu Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên Như - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 138/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Tổ 6, phường T, thành phố N, tỉnh Đắk Nông. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Võ Văn Q, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Tổ 6, phường T, thành phố N, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Chị và anh Võ Văn Q chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định vào ngày 11/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng gây gỗ cãi vã, cuộc sống

chung không hạnh phúc, tinh thần luôn mệt mỏi. Nay để giải thoát cho cả hai thì chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Võ Văn Q.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Võ Minh Tr, sinh ngày 02/4/2016 và cháu Võ Trần Như Y, sinh ngày 12/10/2019. Chị yêu cầu giao cháu Võ Trần Như Y, sinh ngày 12/10/2019 cho chị; giao cháu Võ Minh Tr, sinh ngày 02/4/2016 cho anh Võ Văn Q nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, trông nom đến khi các con trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải Q.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải Q.

Quá trình giải Q vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng bị đơn anh Võ Văn Q vẫn không có mặt để làm việc và trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa xác định việc chấp hành của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đều chấp hành nghiêm các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 238; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị L. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L ly hôn với anh Võ Văn Q. Về con chung: Võ Trần Như Y, sinh ngày 12/10/2019 cho chị Phan Thị L; giao cháu Võ Minh Tr, sinh ngày 02/4/2016 cho anh Võ Văn Q nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, trông nom đến khi các con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị L và anh Võ Văn Q không yêu cầu Tòa án giải Q nên không đề cập xử lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải Q tranh chấp: Chị Trần Thị L và anh Võ Văn Q chung sống và có đăng ký kết hôn. Ngày 07/12/2023 chị Trần Thị L nộp đơn xin ly hôn với anh Võ Văn Q và yêu cầu giải Q nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Võ Văn Q đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 6, phường T, thành phố N, tỉnh Đắk Nông; vì vậy Tòa án có thẩm quyền giải Q là Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk

Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt và có đơn xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do; vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Võ Văn Q kết hôn tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 11/8/2017. Vào thời điểm kết hôn, cả chị Trần Thị L và anh Võ Văn Q đều tự nguyện và đã đủ tuổi kết hôn, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị L: Chị L cho rằng cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, hiện tại không còn tình cảm với anh Võ Văn Q, hai vợ chồng đã sống ly thân một thời gian. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa nhưng anh Võ Văn Q vẫn không có mặt để làm việc, Tòa án không thể tiến hành thu thập ý kiến của anh Q đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Tuy nhiên, qua xác minh người làm chứng nơi anh Q và chị L từng sinh sống cho biết: *“Hàng xóm chứng kiến cuộc sống hàng ngày của anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã to tiếng, thỉnh thoảng vẫn nghe chị L tâm sự về việc anh Q có bạo lực gia đình, đánh đập chị L, cuộc sống gia đình không hạnh phúc”*.

Nhận thấy: Mặc dù không thu thập được lời khai của anh Q nhưng mâu thuẫn giữa chị Trần Thị L và anh Võ Văn Q là có thật, hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt, Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải đoàn tụ nhưng anh Q không có mặt, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị L là có cơ sở, cần chấp nhận.

Điều 56. Ly hôn theo yêu cầu của một bên

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải Q cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 người con chung là Võ Trần Như Ý, sinh ngày 12/10/2019 và cháu Võ Minh Tr, sinh ngày 02/4/2016. Chị L yêu cầu giao cháu Võ Trần Như Ý, sinh ngày 12/10/2019 cho chị; giao cháu Võ Minh Trí, sinh ngày 02/4/2016 cho anh Võ Văn Q nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, trông nom đến khi các con trưởng thành, đủ 18 tuổi; ngoài ra tại biên bản lấy lời khai cháu Võ Minh Tr vào ngày 26/3/2024 cũng thể hiện nguyện vọng của cháu là được ở với cha là anh Q. Nhận thấy cả anh Q và chị L đều có chỗ ở, công việc, thu nhập ổn định, có thể đảm bảo cuộc sống cho con nên yêu cầu giao cháu Võ Trần Như Ý cho

chị Trần Thị L, giao cháu Võ Minh Tr cho anh Võ Văn Q nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, trông nom đến khi các con trưởng thành là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị L và anh Võ Văn Q không yêu cầu Toà án giải Q nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị L và anh Võ Văn Q không yêu cầu Toà án giải Q nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L ly hôn với anh Võ Văn Q.

Về con chung: Giao con chung là cháu Võ Trần Như Y, sinh ngày 12/10/2019 cho chị Trần Thị L và giao cháu Võ Minh Tr, sinh ngày 02/4/2016 cho anh Võ Văn Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các con trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; không được cản trở người không trực tiếp nuôi trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể Q định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị L và anh Võ Văn Q không yêu cầu Toà án giải Q.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị L và anh Võ Văn Q không yêu cầu Toà án giải Q.

Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000755 ngày 14 tháng 12 năm 2023 tại Cơ quan Thi hành án Dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

2. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố GN;
- Chi cục THADS thành phố GN;
- UBND xã Ea Tiêu, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA. Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Yến